

ĐỀ CHẤM (Dành cho thí sinh có SBD chẵn)

- Họ và tên thí sinh: – Số báo danh :

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Từ Đạt ở Khoái Châu, lên làm quan tại thành Đông Quan thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giàu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lễ thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bời đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy.

Phùng có người con trai là Trọng Quý, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mồi lái, định kỳ cưới hỏi.

Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền.

Trọng Quý lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ám được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghét Lập Ngôn tinh hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử. Khi sắp đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

- Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông băng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.

(Trích *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*, Truyện kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.14-15)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: Nhân vật Từ Đạt được nhắc tới trong đoạn trích là người như thế nào?

Câu 3: Theo đoạn trích, Nhị Khanh có cách ứng xử như thế nào để được khen là *người nội trợ hiền*?

Câu 4: Việc Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quý khi chàng chơi bời lêu lổng cho thấy nàng là người vợ như thế nào?

Câu 5: Cách giới thiệu nhân vật của truyện trong đoạn mở đầu có đặc điểm gì?

Câu 6: Qua nhân vật Nhị Khanh, anh/chị hãy nêu suy nghĩ của mình về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Phân tích tư tưởng độc lập dân tộc của Nguyễn Trãi thể hiện trong đoạn văn sau:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.*

SỞ GD VÀ ĐT

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2020-2021
Môn: Ngữ Văn, lớp 10

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

ĐỀ CHẤM

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5đ - HS trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm	0,5
2	Nhân vật Từ Đạt là người: nghèo, tiết kiệm, biết giữ lễ. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc nêu được 2 ý như đáp án: 0,5đ - HS trả lời được 1 ý như đáp án: 0,25đ	0,5
3	Cách ứng xử của Nhị Khanh: + khéo biết cư xử với họ hàng + rất hòa mục + thờ chồng rất cung thuận. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc nêu được 2 ý như đáp án: 0,5đ - HS trả lời được 1 ý như đáp án: 0,25đ Nếu HS trích dẫn cả câu văn “Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền” vẫn cho 0,5đ	0,5
4	Việc Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quý khi chàng chơi bời lêu lổng cho thấy nàng là người vợ: + có trách nhiệm với chồng + có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm. - HS nêu được 1 ý như đáp án: 0,5đ - HS nêu được 1 ý tương đương như đáp án: 0,25đ	0,75
5	Cách giới thiệu nhân vật của truyện trong đoạn mở đầu có đặc điểm: giới thiệu trực tiếp về nhân vật (Tên, quê quán, chức tước, nghề nghiệp, tính cách...) Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,75đ - HS trả lời như đáp án nhưng không diễn giải (phần nêu trong ngoặc đơn): 0,5đ - HS chỉ trả lời như phần nêu trong ngoặc đơn của đáp án: 0,25đ	0,75
6	Suy nghĩ về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam: + Dịu dàng, nhân hậu.	1,0

<ul style="list-style-type: none"> + Đảm đang, tháo vát. + Thương chồng, thương con, giàu đức hi sinh. + Luôn có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc.... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 1,0đ - HS trả lời 3 ý như đáp án: 0,75đ - HS trả lời 2 ý như đáp án: 0.5đ - HS trả lời 1 ý như đáp án: 0,25đ 	
---	--

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Nội dung	Điểm
Phân tích tư tưởng độc lập dân tộc của Nguyễn Trãi thể hiện trong đoạn văn	6,0
<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/ đoạn văn; Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,5
<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tư tưởng độc lập dân tộc của Nguyễn Trãi</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5đ - HS xác định chưa đầy đủ vấn đề cần nghị luận: 0,25đ 	0,5
<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo được các yêu cầu sau đây:</p>	
<p>* Giới thiệu khái quát tác giả Nguyễn Trãi, tác phẩm Đại cáo bình Ngô, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận.</p>	0,5
<p>* Phân tích tư tưởng độc lập dân tộc trong đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tư tưởng độc lập dân tộc được thể hiện qua việc khẳng định: Đại Việt có một nền văn hiến lâu đời, bờ cõi riêng, phong tục riêng so với phương Bắc; có các triều đại kế tiếp trị vì (Triệu, Đinh, Lí, Trần), song song “xung đế” cùng triều đại phương Bắc (Hán, Đường, Tống, Nguyên); có sự khác nhau về vận nước ở các thời kì, nhưng “hào kiệt đời nào cũng có”... + Tư tưởng độc lập dân tộc được Nguyễn Trãi thể hiện bằng giọng văn hùng hồn, chứa đựng niềm tự tin, tự hào dân tộc sâu sắc; kết cấu sóng đôi tạo sự ngang hàng, bình đẳng giữa Đại Việt và phương Bắc... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5đ - HS phân tích chưa đầy đủ, chưa sâu sắc: 1,25đ – 2,25đ - HS phân tích chung chung, chưa rõ tư tưởng độc lập dân tộc của nhà văn: 0,25đ – 1,0đ. 	2,5
<p>* Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tư tưởng độc lập dân tộc trong đoạn trích nói riêng, trong tác phẩm Đại cáo bình Ngô nói chung là minh chứng đánh dấu sự phát triển cao trong nhận thức về quốc gia, dân tộc thời trung đại. + Qua việc khẳng định tư tưởng độc lập dân tộc, Nguyễn Trãi nêu cao tinh thần yêu nước và trách nhiệm cao cả với quốc gia, dân tộc. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 2 ý: 0,5đ - Trình bày được 1 ý: 0,25đ 	0,5

d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp	0,5
e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: HS biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật vấn đề nghị luận; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 1,0đ - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5đ	1,0

----- Hết -----

SỞ GD VÀ ĐT

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II - LỚP 10

NĂM HỌC 2020-2021

Môn: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 90 phút (không tính thời gian giao đề)

(Đề thi gồm có 01 trang)

ĐỀ LỄ (Dành cho thí sinh có SBD LỄ)

- Họ và tên thí sinh: – Số báo danh :

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ âm được bỏ làm Tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kì hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộ rạp, thành một đám hội xem hoa tung bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vịn một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khúc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tặng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quở trách rằng:

- Thân phụ thầy làm đến Đại thần mà thầy không làm nổi một chức Tri huyện hay sao!

Từ than rằng:

- Ta không thể vì số lượng năm đầu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Ấu là một mái chèo vè, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một chiếc nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hễ gặp chỗ nào thích ý thì hí hứng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.

(Trích Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên, Truyền kì mạn lục,
Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: Nhân vật Từ Thức được nhắc tới trong đoạn trích được bỏ giữ chức quan gì?

Câu 3: Theo đoạn trích, hành động nào khiến Từ Thức được khen là người hiền đức?

Câu 4: Hành động cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về cho thấy Từ Thức có thái độ như thế nào với danh lợi?

Câu 5: Cách giới thiệu nhân vật của truyện trong đoạn mở đầu có đặc điểm gì?

Câu 6: Qua đoạn trích, anh/chị hãy nêu suy nghĩ của mình về phẩm chất của nhân vật Từ Thức.

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Phân tích tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thể hiện trong đoạn văn sau:

*Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa,
Bọn gian tà bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.
Dối trời lừa dân đủ muôn nghìn kế,
Gây binh kết oán trải hai mươi năm.
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập, thuồng luồng.
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu, nước độc.”*

(Trích Đại cáo bình Ngô, Nguyễn Trãi, Ngữ văn 10, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr. 17)

Hết

SỞ GD VÀ ĐT

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2020-2021

Môn: Ngữ Văn, lớp 10

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

ĐỀ LỀ

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	<p>Phương thức biểu đạt chính: Tự sự</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 0,5đ - HS trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm 	0,5
2	<p>Nhân vật Từ Thức được bổ giữ chức quan: Tri huyện Tiên Du.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án hoặc nêu “Tri huyện”: 0,5đ - HS trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm 	0,5
3	<p>Hành động khiến Từ Thức được khen là người hiền đức: dùng áo cừu gấm trắng của mình để chuộc lỗi cho cô gái.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 0,5đ - Nếu HS trích dẫn cả câu văn “Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cớ tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tặng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy” vẫn cho 0,5đ 	0,5
4	<p>Hành động trả ân tìn, bỏ quan cho thấy: Từ Thức là người coi thường danh lợi.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm. 	0,75
5	<p>Cách giới thiệu nhân vật của truyện trong đoạn mở đầu có đặc điểm: giới thiệu trực tiếp về nhân vật (Tên, quê quán, chức tước, nghề nghiệp, thời đại nhân vật đó sống...)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 0,75đ 	0,75

	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án nhưng không diễn giải (phần nêu trong ngoặc đơn): 0,5đ - HS chỉ trả lời như phần nêu trong ngoặc đơn của đáp án: 0,25đ 	
6	<p>Suy nghĩ về phẩm chất của nhân vật Từ Thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Là một vị quan chính trực + Là một người hiền đức + Là người có tâm hồn trong sáng cao đẹp, không màng danh lợi + Là người có tâm hồn lãng mạn, bay bổng: say mê vẻ đẹp thiên nhiên, ham thích du ngoạn... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 1,0đ - HS trả lời 3 ý như đáp án: 0,75đ - HS trả lời 2 ý như đáp án: 0,5đ - HS trả lời 1 ý như đáp án: 0,25đ 	1,0

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Nội dung	Điểm
Phân tích tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thể hiện trong đoạn văn	6,0
<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/ đoạn văn; Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,5
<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5đ - HS xác định chưa đầy đủ vấn đề cần nghị luận: 0,25đ 	0,5
<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo được các yêu cầu sau đây:</p>	
<p>* Giới thiệu khái quát tác giả Nguyễn Trãi, tác phẩm Đại cáo bình Ngô, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận.</p> <p>* Phân tích tư tưởng nhân nghĩa thể hiện qua đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tư tưởng nhân nghĩa được thể hiện qua việc tố cáo những chủ trương cai trị, hành động tội ác của giặc Minh gây ra đối với nhân dân: Tàn sát người vô tội (nướng dân đen, vùi con đỏ...); bóc lột dã man (nặng thuế khóa...); vợ vét sản vật (vàng, ngọc); đẩy người dân vào cảnh khốn cùng (vào núi- rừng sâu nước độc, xuống biển- cá mập thường luồng)... + Tư tưởng nhân nghĩa còn được thể hiện qua niềm xót thương vô hạn trước nỗi đau khổ của nhân dân; sự căm hận tột cùng trước tội ác của kẻ thù. + Tư tưởng nhân nghĩa được Nguyễn Trãi thể hiện bằng giọng văn đanh thép, thống thiết; cách sử dụng các kiểu câu dài ngắn kết hợp, biến hóa linh hoạt; hình ảnh chân thực, giàu tính biểu trưng, khái quát; phép liệt kê, phép đối... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5đ - HS phân tích chưa đầy đủ, chưa sâu sắc: 1,25đ – 2,25đ - HS phân tích chung chung, chưa rõ tư tưởng nhân nghĩa của nhà văn: 0,25đ – 1,0đ. 	0,5 2,5
<p>* Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tư tưởng nhân nghĩa thể hiện qua đoạn văn, cũng như xuyên suốt cả tác phẩm, là tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi. 	0,5

<p>+ Việc đứng trên lập trường nhân nghĩa để tố cáo tội ác quân giặc cho thấy Nguyễn Trãi là người có tinh thần nhân đạo cao cả, luôn hết lòng vì dân vì nước.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trình bày được 2 ý: 0,5đ</p> <p>- Trình bày được 1 ý: 0,25đ</p>	
<p>d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp</p>	0,5
<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật vấn đề nghị luận; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 1,0đ</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5đ</p>	1,0

----- Hết -----

TRƯỜNG THPT ĐÔNG ĐẠU

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LẦN 3
NĂM HỌC 2016-2017 – MÔN NGỮ VĂN 10

MÃ ĐỀ: 105

Thời gian làm bài: 120 phút

Lưu ý: Trước khi làm bài, thí sinh ghi mã đề vào tờ giấy thi.

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

TỰ SỰ

Dù đục, dù trong con sông vẫn chảy
Dù cao, dù thấp cây lá vẫn xanh
Dù người phàm tục hay kẻ tu hành
Cũng phải sống từ những điều rất nhỏ.
Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm?
Đất ấp ôm cho mọi hạt nảy mầm
Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng.
Nếu tất cả đường đời đều trơn láng
Chắc gì ta đã nhận được ra ta!
Ai trên đời cũng có thể tiến xa
Nếu có khả năng tự mình đứng dậy
Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy
Không chỉ để dành cho một riêng ai.

(Nguyễn Quang Vũ, *Hoa học trò*, số 6, 1994)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Anh/chị hiểu thế nào về ý nghĩa 2 câu thơ sau:

“Đất ấp ôm cho mọi hạt nảy mầm
Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng”

Câu 3. Theo anh/chị, vì sao tác giả viết:

“Nếu tất cả đường đời đều trơn láng
Chắc gì ta đã nhận được ra ta!”



Câu 4. Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về 2 câu thơ trong văn bản ở phần Đọc hiểu:

*“Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm?”*

Câu 2 (5,0 điểm):

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng nhân vật khách trong “Phú sông Bạch Đằng” (“Bạch Đằng giang phú” - Trương Hán Siêu).

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

**TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐẬU
MÃ ĐỀ: 105**

**ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LẦN 3
NĂM HỌC 2016-2017 – MÔN NGỮ VĂN 10
(Đáp án – Hướng dẫn chấm gồm có 04 trang)**

Họ và tên thí sinh.....;SBD.....

I. LƯU Ý CHUNG:

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh. Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm để đánh giá chính xác giá trị của từng bài viết. Sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lý; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

- Học sinh có nhiều cách khác nhau để khai thác đề song phải đảm bảo yêu cầu về kỹ năng và kiến thức.(Về kỹ năng: biết cách làm bài văn nghị luận, có bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt tốt. Văn viết có cảm xúc. Không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt, dùng từ. Về kiến thức: Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản trong đáp án.)

- Thí sinh có cách làm bài riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, diễn đạt tốt, vẫn cho điểm tối đa.

- Điểm bài thi làm tròn đến 0,25 điểm.

II. ĐÁP ÁN:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: nghị luận.	0,5
	2	Ý nghĩa 2 câu thơ: <i>“Đất ấp ôm cho mọi hạt nảy mầm Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng”</i> “Đất” theo nghĩa đen là nguồn sống, nguồn dinh dưỡng cho muôn hạt nảy mầm. “Đất” còn mang nghĩa ẩn dụ chỉ cuộc đời rộng lớn, luôn tạo cơ hội cho mọi người. Hạnh phúc ở quanh ta nhưng không tự nhiên đến. Nếu muốn	0,75

		có cuộc sống tốt đẹp, muốn có hạnh phúc, tự mỗi người phải có suy nghĩ và hành động tích cực, phải nỗ lực vươn lên giống như “Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng”.	
	3	Tác giả cho rằng: <i>“Nếu tắt cả đường đời đều trơn láng Chắc gì ta đã nhận được ra ta”</i> Bởi vì: “Đường đời trơn láng” tức là cuộc sống quá bằng phẳng, yên ổn, thuận lợi, không có khó khăn, giông tố. Con người không được đặt vào hoàn cảnh có vấn đề, có thách thức; không phải nỗ lực hết mình để vượt qua trở ngại, chinh phục thử thách mới đến được đích. Khi đó con người không có cơ hội để trải nghiệm nên cũng không khám phá hết những gì mình có; không đánh giá hết ưu điểm cũng như nhược điểm của bản thân. Con người có trải qua thử thách mới hiểu rõ chính mình và trưởng thành hơn. Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, chặt chẽ.	0,75
	4	Học sinh có thể chọn một trong những thông điệp sau và trình bày suy nghĩ thấm thía của bản thân về thông điệp ấy: – Dù là ai, làm gì, có địa vị xã hội thế nào cũng phải sống từ những điều rất nhỏ. – Con người có trải qua thử thách mới hiểu rõ chính mình và trưởng thành hơn. – Muốn có được hạnh phúc phải tự mình nỗ lực vươn lên. – Cuộc sống không phải lúc nào cũng như ta mong muốn, biết đòi hỏi nhưng cũng phải biết chấp nhận, biết nhìn đời bằng con mắt lạc quan, biết cho đi thì mới được nhận lại. Câu trả lời phải hợp lí, chặt chẽ, có sức thuyết phục.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về 2 câu thơ trong văn bản ở phần Đọc hiểu: <i>“Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó Sao ta không tròn ngay tự trong tâm?”</i>	2,0
		a. Yêu cầu về hình thức: - Viết đúng hình thức một đoạn văn, độ dài khoảng 200 chữ. - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu...	0,5
		b. Yêu cầu về nội dung: Câu này kiểm tra năng lực viết nghị luận xã hội, đòi hỏi thí sinh phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, và khả năng bày tỏ thái độ, chính kiến của mình để làm bài. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ chủ kiến của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội. Sau đây là một số định hướng:	1,5

	<p>b.1. Giải thích ý kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Cuộc đời méo mó”: cuộc đời không bằng phẳng, chứa đựng nhiều ngang trái, trở trêu, thậm chí xấu xa, tồi tệ. Đó là một tất yếu chúng ta phải chấp nhận vì bản chất cuộc đời là không đơn giản, không bao giờ hoàn hảo. - “Tâm”: là tấm lòng, tình cảm chân thành. “Tròn tự trong tâm”: là cái nhìn, thái độ, suy nghĩ đúng đắn của con người, luôn tích cực, lạc quan trước cuộc đời cho dù hoàn cảnh có như thế nào. <p>b.2. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thái đời, con người thường hay chê bai, oán thán, cay cú, hậm hực khi cuộc sống không được như mong muốn. Chính cái “chê” ấy nhiều khi khiến cuộc đời trở nên “méo mó” hơn trước mắt chúng ta. - Thái độ “tròn tự trong tâm”, sống lạc quan, chủ động trước hoàn cảnh, không gục ngã trước khó khăn, bất công, ngang trái... là thái độ sống tích cực, giúp ích nhiều cho cá nhân và xã hội. - Con người hoàn toàn có thể thay đổi cuộc sống, chỉ cần mỗi cá nhân chủ động, tích cực từ trong tâm. Thiên đường hay địa ngục đều do mình quyết định. Biết sống “tròn tự trong tâm”, cuộc sống sẽ đẹp hơn. <p>b.3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>Thí sinh rút ra bài học nhận thức và hành động phù hợp, thuyết phục.</p>	
2	<p>Cảm nhận của anh/chị về hình tượng nhân vật khách trong “Phú sông Bạch Đằng” (“Bạch Đằng giang phú” - Trương Hán Siêu).</p>	5,0
	<p>Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.</p>	
	<p>2.1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần <i>Mở bài</i> biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần <i>Thân bài</i> biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.</p>	0,25
	<p>2.2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Hình tượng nhân vật <i>khách</i> trong “Phú sông Bạch Đằng” (“Bạch Đằng giang phú” – Trương Hán Siêu).</p>	0,25
	<p>2.3. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp. Các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.</p> <p>Có thể trình bày theo định hướng sau:</p>	
	<p>2.3.1. Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm</p>	
	<p>-Giới thiệu về Trương Hán Siêu, tác phẩm “Phú sông Bạch Đằng” (hoàn cảnh ra đời của bài phú), giới thiệu về hình tượng nhân vật <i>khách</i>.</p>	0,5
	<p>2.3.2. Cảm nhận về hình tượng nhân vật khách</p>	

	<p>a. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư thế của một con người có tâm hồn khoáng đạt: + Khách dạo chơi phong cảnh không chỉ để thưởng thức vẻ đẹp thiên nhiên mà còn nghiên cứu cảnh trí đất nước, bồi bổ trí thức. + Hoài bão lớn lao: “Nơi có ... chẳng biết”; “Đầm Vân Mộng chứa vẫn còn tha thiết”. 	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Tráng chí của khách được gọi lên qua hai loại địa danh: + Địa danh trong điển cố Trung Quốc: rong chơi bể lớn, sông Nguyên, Tương, Vũ Huyệt, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt - những vùng đất nổi tiếng, khách đã đi qua bằng sách vở. + Những địa danh đất Việt, với không gian cụ thể: cửa Đại Than, bến Đông Triều, sông Bạch Đằng là hình ảnh hiện tại, mang tính đương đại hiện ra trước mắt. Cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ hoành tráng “<i>Bát ngát sóng kinh muôn dặm – Thướt tha đuôi trĩ một màu</i>”; song cũng âm đạm, hắt hiu “<i>Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu – Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô</i>”. 	0,75
	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm hồn phong phú, nhạy cảm của khách: vừa thích thú trước cảnh sông hùng vĩ, thơ mộng “Nước trời: một sắc, phong cảnh: ba thu”, vừa tự hào trước dòng sông còn ghi bao chiến tích, vừa buồn thương, tiếc nuối vì chiến trường xưa một thời oanh liệt nay trở trời, hoang vu, thời gian đã làm mờ bao dấu vết. - Khách đề cao vai trò, vị trí của con người trong lịch sử: “Bờ đâu đất hiểm cốt mình đức cao”. 	1,0
	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm hồn phong phú, nhạy cảm của khách: vừa thích thú trước cảnh sông hùng vĩ, thơ mộng “Nước trời: một sắc, phong cảnh: ba thu”, vừa tự hào trước dòng sông còn ghi bao chiến tích, vừa buồn thương, tiếc nuối vì chiến trường xưa một thời oanh liệt nay trở trời, hoang vu, thời gian đã làm mờ bao dấu vết. - Khách đề cao vai trò, vị trí của con người trong lịch sử: “Bờ đâu đất hiểm cốt mình đức cao”. 	0,75
	<p>b. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật khách:</p> <p>Lời văn linh hoạt; hình tượng nghệ thuật sinh động, vừa gợi hình sắc trực tiếp, vừa mang ý nghĩa khái quát, triết lí; ngôn từ vừa trang trọng, hào hùng, vừa lãng động, gợi cảm.</p>	0,25
	<p>2.3.3. Đánh giá khái quát</p> <p>- Với hình tượng nhân vật <i>khách</i>, bài phú thể hiện tư tưởng yêu nước và tư tưởng nhân văn cao đẹp: tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc, đề cao vai trò, vị trí của con người trong lịch sử.</p>	0,25
	<p>2.4. Sáng tạo: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...); văn viết giàu cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; có liên hệ so sánh trong quá trình phân tích, có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25
	<p>2.5. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,25
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10 điểm		
<p>Lưu ý chung: <i>Thí sinh có thể làm bài theo những cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo những yêu cầu về kiến thức. Trên đây chỉ là những ý cơ bản thí sinh cần đáp ứng; việc cho điểm cụ thể từng câu giám khảo cần vận dụng linh hoạt.</i></p>		



THPT Hùng Vương

Đề thi giữa học kì 2

Năm học 2014 - 2015

Môn: Ngữ văn - Lớp 10

Câu 1 (2 điểm):

Tìm biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ sau và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó:

*“Grom mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn”*
(Nguyễn Trãi - Bình Ngô đại cáo)

Câu 2 (8 điểm):

Anh (chị) hãy thuyết minh về núi Bà Đen. Qua đó anh (chị) có những hành động thiết thực nào để bảo vệ danh lam thắng cảnh ở địa phương.

Đáp án đề thi giữa học kì 2 lớp 10 môn Văn – THPT Hùng Vương 2015

Câu	Đáp án	Điểm
1	- Biện pháp tu từ: nói quá	1
	- Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó: Vũ khí (gươm) nhiều đến độ mài mòn cả đá núi. Phương tiện (voi) nhiều đến uống cạn cả nước sông. => Nói quá vũ khí và phương tiện để diễn tả sức mạnh của nghĩa quân Lam Sơn.	1
2	Thuyết minh về núi Bà Đen	5
	a. Mở bài: - Giới thiệu thắng cảnh quê hương Tây Ninh: Núi Bà Đen – cảnh đẹp, núi linh, cao nhất đông nam bộ.	0,5
	b. Thân bài: - Vị trí địa lý: thuộc xã Thạnh Tân, Hòa Thành, Tây Ninh, cách Thị Xã Tây Ninh 8 km chệch hướng Đông Bắc.	1
	- Quang cảnh: mây phủ quanh năm nên có tên gọi khác là Vân Sơn do 3 ngọn núi tạo thành: núi Phụng, núi Heo, núi Một. Nhìn từ xa như chiếc nón lá úp trên đồng bằng. + Sự tích: về nàng Lý Thị Thiên Hương. + Sự hấp dẫn: cảnh đẹp (cảnh thiên tạo, cảnh nhân tạo), núi linh (theo tín ngưỡng của nhân dân).	2
	- Giá trị phát triển du lịch, kinh tế.	1
	c. Kết bài: Ấn tượng đậm nét trong lòng du khách đến Tây Ninh, đặc biệt là danh thắng núi Bà.	0,5
	Những hành động thiết thực để bảo vệ danh lam thắng cảnh ở địa phương.	3
	Học sinh trình bày suy nghĩ về những hành động thiết thực để bảo vệ danh lam thắng cảnh ở địa phương theo nhiều hướng khác nhau, trong đó phải đảm bảo đầy đủ các nội dung: - Tại sao chúng ta phải bảo vệ danh lam thắng cảnh ở địa phương? - Những hành động thiết thực để bảo vệ danh lam thắng cảnh ở địa phương là	

Hava MATH

	gi?	
--	-----	--